TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 02 - 2018
"V/v tranh chấp về ly hôn
giữa ông K và bà T".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nô

2. Bà Trần Thị Trang

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Minh Sang là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 386/2017/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Nguyên K, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Số 523, tổ 18, ấp Phú An B, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Số 523, tổ 18, ấp Phú An B, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông Lê Nguyên K có mặt, bà Nguyễn Ngọc T vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 01 tháng 11 năm 2017, trong quá trình xét xử tại Tòa nguyên đơn ông Lê Nguyên K trình bày:

Về hôn nhân: Ông Lê Nguyên K với bà Nguyễn Ngọc T tự tìm hiểu và yêu thương nhau trước, sau đó được cha mẹ hai đồng ý và tiến hành tổ chức lễ cưới vào năm 2000, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình sống

chung có hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cải vã, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, không thể đoàn tụ sống chung được, vì ông không còn tình cảm với bà Nguyễn Ngọc T nên ông với bà T không còn sống chung từ năm 2010 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Nguyên K yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Ông Lê Nguyên K xác định, ông với bà Nguyễn Ngọc T có một đứa con chung tên Lê Thị Ngọc Nữ, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2001, hiện đang sống chung với ông, khi ly hôn ông đồng ý giao con chung tên Lê Thị Ngọc Nữ, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2001 cho bà Nguyễn Ngọc T được quyền nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Nguyên K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con tên Lê Thị Ngọc Nữ mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động được, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2018.

Về tài sản chung: Ông Lê Nguyên K xác định, ông với bà Nguyễn Ngọc T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Lê Nguyên K xác định, ông với bà Nguyễn Ngọc T không có thiếu nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Theo bản tự khai ngày 27 tháng 11 năm 2017, bị đơn là bà Nguyễn Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc T với ông Lê Nguyên K tự tìm hiểu và sống chung vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định, cuộc sống chung có hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên không còn sống chung khoảng 07 năm. Do đó, bà Nguyễn Ngọc T đồng ý ly hôn với ông Lê Nguyên K.

Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc T yêu cầu được nuôi con chung tên Lê Thị Ngọc Nữ, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2001, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Ngọc T xác định, bà với ông Lê Nguyên K không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Ngọc T xác định, bà với ông Lê Nguyên K không có thiếu nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Lê Nguyên K khởi kiện về việc ly hôn với bà Nguyễn Ngọc T, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu được quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Ngọc T có hộ khẩu thường trú tại số 523, tổ 18, ấp Phú An B, xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là bà Nguyễn Ngọc T vắng mặt lần thứ hai nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Ngọc T theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Lê Nguyên K yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc T; Ông Lê Nguyên K đồng ý giao con chung tên Lê Thị Ngọc Nữ, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2001 cho bà Nguyễn Ngọc T được quyền nuôi dưỡng, theo nguyện vọng của con tên Lê Thị Ngọc Nữ, ông K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét về hôn nhân: Ông Lê Nguyên K với bà Nguyễn Ngọc T sống chung vào năm 2000, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không được pháp luật bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận ông Lê Nguyên K với bà Nguyễn Ngọc T là vợ chồng.

[4] Về nuôi con chung: Ông Lê Nguyên K đồng ý giao con chung tên Lê Thị Ngọc Nữ, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2001 cho bà Nguyễn Ngọc T được quyền nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu Lê Thị Ngọc Nữ. Xét thấy, sự tự nguyện giao con của ông Lê Nguyên K không trái với đạo đức xã hội và còn phù hợp theo quy định tại Điều 15 và khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên công nhận.

Giao cháu Lê Thị Ngọc Nữ, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2001 cho bà Nguyễn Ngọc T được quyền nuôi dưỡng. Bà T phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông K được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Việc nuôi con không cố định, ông K được quyền xin thay đổi việc nuôi con chung khi có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc bà T không còn đủ điều kiện nuôi con và cố tình cản trở việc thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Nguyên K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con tên Lê Thị Ngọc Nữ, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2001 mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động được, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2018. Xét thấy, sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông Lê Nguyên K phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82

của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vì vậy Hội đồng xét xử nghĩ nên công nhận.

[6] Về tài sản chung: Ông Lê Nguyên K xác định, không có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Ông Lê Nguyên K xác định, không có thiếu nợ nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

Ông Lê Nguyên K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0001427 ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

[9]. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Áp dụng điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

Ông Lê Nguyên K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Nguyên K về việc ly hôn với bà Nguyễn Ngọc T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Lê Nguyên K với bà Nguyễn Ngọc T là vợ chồng.

3. Về nuôi con chung: Công nhận sự tự nguyện của ông Lê Nguyên K về việc giao con chung tên Lê Thị Ngọc Nữ, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2001 cho bà Nguyễn Ngọc T được quyền nuôi dưỡng. Bà T phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông K tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Việc nuôi con không cố định, ông K được quyền xin thay đổi việc nuôi con chung khi có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc bà T không

còn đủ điều kiện nuôi con và cố tình cản trở việc thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Về cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông Lê Nguyên K. Ông Lê Nguyên K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con tên Lê Thị Ngọc Nữ, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2001 mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động được, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 4 năm 2018.

5. Tài sản chung: Không có.

6. Nợ chung: Không có.

7. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Lê Nguyên K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0001427 ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

8. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Nguyên K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

9. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Nguyên K có mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bà Nguyễn Ngọc T vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

10. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã Tân Châu;
- Chi cục THADS thị xã Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

Đỗ Thị Thúy